

Bài 26 TRÊN CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng, rõ ràng một VB ngắn có yếu tố biểu cảm và yếu tố thông tin đan xen; sử dụng ngữ điệu đọc phù hợp với những đoạn VB là văn xuôi và đoạn VB là thơ; làm quen với ca dao. Biết được một số địa danh tiêu biểu ở 3 miền đất nước được nhắc đến trong các bài ca dao và tranh minh họa.
2. Biết viết chính tả theo hình thức nghe – viết; viết được một đoạn văn 4 – 5 câu giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ.
3. Phát triển vốn từ về sản phẩm truyền thống của đất nước (*phở, nón lá, tò he, áo dài*); ôn kiểu câu giới thiệu.
4. Biết chia sẻ những trải nghiệm, suy nghĩ, cảm xúc liên quan đến các vùng miền trên quê hương, đất nước mình.
5. Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, thêm yêu văn hoá (phong tục tập quán) Việt Nam.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm thể loại ca dao và hiểu bản chất của VB đọc. Đây là một VB đặc biệt, đan xen giữa thơ và văn xuôi, giống như một câu chuyện kết nối các câu ca dao với nhau, thể hiện lời mời gọi lên đường: cùng nhau đi thăm cảnh đẹp ở mọi miền đất nước. Các địa danh trong bài được sắp xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh đẹp của đất nước và một số sản vật nổi tiếng ở các vùng miền,...
- PP dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Đất nước chúng mình*) và nói một số chi tiết HS nhớ được về bài học đó (tên nước, tên thủ đô, đặc điểm của lá cờ Tổ quốc,...).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV yêu cầu HS quan sát và nói về 3 bức ảnh. GV có thể gợi ý để HS nói nếu HS không tự nói được. Tranh 1: Ruộng bậc thang ở Sa Pa (HS đã được học ở Tiếng Việt 1); tranh 2: Vịnh Hạ Long ở Quảng Ninh; tranh 3: Cầu Thê Húc, Đền Ngọc Sơn ở Hà Nội.

GV hỏi: Em đã đến thăm ba nơi này chưa? (Đây là câu hỏi chuyển tiếp để nối từ việc quan sát ảnh sang câu hỏi chính của phần *Khởi động*. HS trả lời đơn giản là đã đến/ chưa đến). GV cho HS trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi: *Em đã từng đến thăm những vùng miền nào của đất nước mình?* HS trả lời tự do theo trải nghiệm của cá nhân.

– GV giới thiệu bài đọc *Trên các miền đất nước*. GV nói để HS cùng tưởng tượng: Cả lớp sẽ đi chung một chuyến tàu, chuyến tàu này sẽ đưa mọi người đi từ Bắc vào Nam, dừng chân ở những cảnh đẹp nổi tiếng của đất nước. Hành trình sẽ bắt đầu từ miền Bắc, rồi đến miền Trung và cuối cùng là miền Nam. Đồng hành cùng chúng ta sẽ là các câu ca dao ghi lại cảnh đẹp non sông, đất nước.

2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ Quan sát tranh, ảnh minh họa bài đọc, nêu nội dung tranh, ảnh (ảnh Đền Hùng ở tỉnh Phú Thọ, ảnh một con đường ở tỉnh Nghệ An và tranh Đồng Tháp Mười ở tỉnh Đồng Tháp. Nếu HS chưa biết, GV sẽ là người giới thiệu các tranh, ảnh trong bài đọc).

+ GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc với ngữ điệu hào hứng, giống lời mời gọi lên đường. Khi đọc phần ca dao chuyển sang ngữ điệu nhẹ nhàng, tha thiết. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm theo.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như *đi ngược về xuôi, quanh quanh,...*

+ GV mời 3 HS đọc nối tiếp bài đọc (HS1 đọc từ đầu đến *câu ca dao*; HS2 đọc phần tiếp theo đến *lóng lánh cá tôm*, HS3 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc theo cặp.

+ GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ còn khó hiểu đối với HS.

- Luyện đọc theo cặp/ nhóm :
- + HS đọc nối tiếp 3 đoạn theo cặp/ nhóm (như 3 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.
- + GV giúp đỡ HS gặp khó khăn trong nhóm, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm các câu thơ nói về: Xứ Nghệ, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Đồng Tháp Mười.*

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.
- HS đọc câu hỏi trong nhóm, cùng nhau trao đổi và tìm câu trả lời.
- GV gọi đại diện một số nhóm trả lời. Có thể tách 3 ý (a, b, c) để gọi được nhiều HS trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.
- GV và HS thống nhất đáp án:
- + Các câu thơ nói về xứ Nghệ:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

- + Các câu thơ nói về ngày Giỗ Tổ Hùng Vương:

*Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.*

- + Các câu thơ nói về Đồng Tháp Mười:

*Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.*

Câu 2. *Ngày Giỗ Tổ là ngày nào?*

Cách thức tổ chức hoạt động để trả lời câu hỏi này có thể tương tự như câu 1. GV và HS thống nhất đáp án. (Ngày Giỗ Tổ là ngày mùng Mười tháng Ba.)

Câu 3. *Tìm từ ngữ miêu tả về đẹp của xứ Nghệ.*

GV cho HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu kết quả theo cặp hoặc theo nhóm. GV cùng HS thống nhất đáp án. (Từ ngữ miêu tả về đẹp của xứ Nghệ là: *non xanh nước biếc, tranh họa đồ.*)

Câu 4. *Chọn ý giải thích đúng.*

- GV cho 2 HS đọc trước lớp các câu trong bảng (HS1 đọc câu thơ thứ nhất và 2 phương án a và b; HS2 đọc câu thơ thứ 2 và 2 phương án a và b), sau đó tổ chức thảo luận nhóm.
- GV gọi đại diện nhóm trả lời. GV và HS thống nhất đáp án: Ý giải thích đúng cho câu thơ *Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh* là ý b (Đồng Tháp Mười rộng mênh mông);

ý giải thích đúng cho câu thơ *Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm* là ý b (Đồng Tháp Mười có nhiều tôm cá).

* *Học thuộc lòng các câu ca dao trong bài.*

– GV lựa chọn một cách hướng dẫn HS học thuộc lòng (HS có thể tự đọc thầm nhiều lần các câu ca dao trong SHS hoặc GV viết/ chiếu các câu đó lên bảng rồi xoá dần các chữ trong mỗi câu.

– HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

– Một số em nói các câu ca dao đã học thuộc.

4. Luyện đọc lại

– HS/ GV đọc diễn cảm cả bài.

– Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. *Tìm những tên riêng được nhắc đến trong bài.*

– GV cho HS xem lại VB và yêu cầu HS tìm tên riêng (tên người, tên địa lí/ tên vùng miền, tên tỉnh,...). GV lưu ý HS quy tắc chữ cái đầu của mỗi âm tiết trong tên riêng phải viết hoa.

– GV gọi HS trả lời. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Những tên riêng được nhắc đến trong bài là *Việt Nam, Phú Thọ, (miền) Bắc, Vua Hùng, (miền) Trung, Nghệ, Nam Bộ, Đồng Tháp Mười, Tháp Mười, Nam.*)

(GV có thể cho HS thi tìm tên riêng bằng cách viết ra thẻ giấy được chuẩn bị sẵn hoặc bảng con.)

Câu 2. *Các câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?*

– GV cho HS làm việc nhóm, HS trong nhóm đọc nội dung của từng dòng trong từng cột, tìm câu ở cột A phù hợp với kiểu câu ở cột B.

– GV cùng HS nhắc quy tắc: Câu có từ ngữ chỉ đặc điểm (*tươi đẹp*) là kiểu câu nêu đặc điểm; Câu có từ *là* thuộc kiểu câu giới thiệu; Câu có từ ngữ chỉ hoạt động (*đi thăm*) là kiểu câu nêu hoạt động.

– GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả. HS và GV nhận xét.

– GV và HS chốt đáp án (Câu *Đất nước mình thật tươi đẹp* là câu nêu đặc điểm; Câu *Đồng Tháp Mười là tên vùng đất ở miền Nam* là câu giới thiệu; Câu *Chúng ta cùng đi thăm ba miền đất nước* là câu nêu hoạt động.)

– HS đối chiếu bài làm của mình với đáp án.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

- GV nêu yêu cầu nghe – viết các câu ca dao trong bài *Trên các miền đất nước*.
- GV đọc một lần bài nghe – viết cho HS nghe. GV mời 1 – 2 HS đọc lại trước lớp.
- GV hướng dẫn HS:
 - + Quan sát cách trình bày các câu thơ lục bát và thơ 7 chữ.
 - + Viết hoa tên riêng (*Nghệ, Đồng Tháp Mười, Tháp Mười*), viết hoa từ ngữ được nhấn mạnh, thể hiện sự trân trọng (*Giỗ Tổ*), ngày tháng (*mùng Mười, tháng Ba*).
 - + Những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai như *quanh quanh, hoa đỏ, lóng lánh,...*
- GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở (chú ý nhắc HS trình bày các câu thơ lục bát và hai câu thơ 7 chữ).
- GV đọc lại đoạn thơ cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp/ nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

2. Viết tên 2 – 3 tỉnh hoặc thành phố mà em biết.

- HS làm việc nhóm để trao đổi những tên tỉnh, thành phố mình muốn viết. Một số em phát biểu trước lớp, GV và các bạn nhận xét.
- HS viết kết quả vào VBT. (VD: Hà Nội, Đà Nẵng, Huế, Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Bình Phước, Tây Ninh,...).
- GV kiểm soát bài làm của HS, nhận xét một số bài (có đúng tên tỉnh/ thành phố không, có viết hoa đúng quy tắc không).

3. Chọn a hoặc b.

GV chọn cho HS làm BTa hoặc BTb.

a. Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.

- GV chiếu đoạn ca dao lên bảng cho HS đọc hoặc cũng có thể cho HS tự đọc thầm đoạn ca dao trong SHS.
- HS làm việc nhóm để tìm phương án, đại diện nhóm trả lời (HS lên bảng và viết các chữ cần điền).
- GV và HS chốt đáp án (Bà còng đi **chợ** trời mưa/ Cái tôm cái tép đi đưa bà còng/ Đưa bà đến quăng đường cong/ Đưa bà vào tận ngõ **trong** nhà bà.).
- HS soát lại BT và chữa bài (nếu làm sai). Có thể cho một số HS đọc lại toàn bộ bài thơ.

b. *Tìm tiếng chứa iu hoặc iêu thay cho ô vuông.*

– GV cho HS quan sát hình, sau đó gọi một số HS lên bảng điền. Các HS khác có thể điền vào bảng con. GV cũng có thể sử dụng các thẻ viết chữ sẵn, phát cho HS để HS thi tìm nhanh đáp án.

– GV và HS chốt đáp án (*cái rìu, hạt tiêu, hạt điều*).

– Nếu còn thời gian, GV cho HS viết vào vở. GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật tương ứng với mỗi lời giải thích.

BT này nhằm mở rộng vốn từ về những sự vật thể hiện đặc trưng văn hoá của người Việt Nam. Để tìm từ ngữ, có hai căn cứ: nhìn tranh và đọc lời giải thích. GV có thể lựa chọn cách cho HS xem tranh trước rồi đọc lời giải thích hoặc ngược lại.

– HS quan sát tranh, đọc lời giải thích (để biết nghĩa của từ) và thảo luận theo nhóm.

– Một số HS trả lời trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án (a. *Món ăn gồm bánh phở và thịt, chan nước dùng là **phở***; b. *Vật dùng để đội đầu, che mưa nắng, thường làm bằng lá, có hình chóp là **nón***; c. *Trang phục truyền thống của người Việt Nam là **áo dài***. 4. *Đồ chơi dân gian, được nặn bằng bột màu hấp chín, thường có hình con vật là **tò he***).

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

– GV cho HS thảo luận nhóm, đọc các từ ngữ trong 2 cột, tìm câu trả lời.

– GV gọi đại diện nhóm trả lời. (Có thể dùng hình thức viết từ ngữ vào các tấm thẻ, mỗi nhóm sẽ có 6 tấm thẻ, cùng thi ghép câu; nhóm nào ghép xong trước và đúng sẽ thắng).

– GV và HS thống nhất đáp án (*Hồ Ba Bể là hồ nước ngọt quý hiếm của Việt Nam*; *Hang Sơn Đoòng là hang động lớn nhất thế giới*; *Đà Lạt là thành phố ngàn hoa*).

3. Đặt một câu giới thiệu về quê em hoặc nơi em ở.

Phần này HS được đặt câu tự do (không cần phải theo mẫu). Tuy nhiên, GV có thể hướng HS đặt các câu giới thiệu về cảnh đẹp quê em theo mẫu câu có chứa từ là như ở BT2. GV cho HS trao đổi nhóm, khuyến khích các em đặt được càng nhiều câu càng tốt.

TIẾT 5 - 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Nêu tên các đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ và công dụng của chúng.

- GV cho HS quan sát tranh. GV có thể cho HS hoạt động nhóm để thảo luận. (Gọi tên từng đồ vật trong tranh. *Mỗi đồ vật được làm từ chất liệu gì? Từng đồ vật được dùng để làm gì?*)
- GV gợi ý để HS nói về những đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ (*đũa, khay để cốc chén, bàn ghế,...*).
- GV cũng có thể hỏi thêm HS: *Ngoài các đồ vật trong tranh, các em còn biết những đồ vật nào được làm từ gỗ hoặc tre? (VD: giường, tủ, kệ,...) Công dụng của từng đồ vật? (VD: giường để ngủ, tủ để đựng quần áo, kệ để đựng sách,...).*
- Một số HS trình bày, các HS khác có thể bổ sung.

2. Viết 4 - 5 câu giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ.

- HS đọc yêu cầu của BT và các gợi ý.
- GV và HS hỏi đáp theo từng câu hỏi gợi ý trong SHS. (VD: (1) Em muốn giới thiệu về cái tủ. (2) Đồ vật này hình chữ nhật, to và nhiều ngăn, có cả gương bên trong cánh tủ. (3) Nó được dùng để đựng quần áo, chăn màn,... (4) Em thích cái tủ vì nó giống như một cái hộp bí mật, chứa được rất nhiều đồ đạc, giúp nhà cửa thêm gọn gàng.)
- HS thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. GV và HS nhận xét.
- Từng HS viết đoạn văn vào vở. Viết xong, HS trao đổi bài với bạn, cùng đọc và soát lỗi.
- GV nhận xét, chữa một số bài của HS, khen ngợi những bài làm tốt hoặc có tiến bộ.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ, câu chuyện viết về cảnh đẹp trên các miền đất nước.

- Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc bài thơ, câu chuyện về cảnh đẹp trên các miền đất nước. GV có thể chuẩn bị một vài bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp. GV lưu ý HS về tên của bài thơ, câu chuyện và nội dung của bài thơ/ câu chuyện.
- HS làm việc nhóm. Một số (3 - 5) HS nói tên bài thơ, câu chuyện. Một số (3 - 5) HS nói bài thơ, câu chuyện nói về cảnh đẹp nào? Ở đâu?

2. Đọc cho bạn nghe đoạn thơ hoặc đoạn truyện em thích.

- Một số HS đọc đoạn thơ hoặc đoạn truyện mình thích trước lớp.
- GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS nói được tên bài thơ, câu chuyện, đọc được đoạn thơ hoặc đoạn truyện mình thích. GV khuyến khích HS tìm đọc thêm những bài thơ, câu chuyện về cảnh đẹp của đất nước.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài học *Trên các miền đất nước*, các em đã:
 - + Nhớ và hiểu được 3 câu ca dao về các vùng miền.
 - + Biết thêm về các sản phẩm truyền thống của đất nước Việt Nam (phở, tò he, nón lá,...), những địa danh nổi tiếng (Hồ Ba Bể, hang Sơn Đoòng, Đà Lạt,...).
 - + Viết được một đoạn văn giới thiệu một đồ vật được làm từ tre hoặc gỗ.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.